zhòng tóu

重头

noun · main part; highlight

Example Sentences

Zhè cì yǎn chū de zhòng tóu shì zuì hòu yī chǎng xì
这次演出的重头是最后一场戏。

The highlight of this performance is the last scene.

Tán pàn de zhòng tóu zài yú jià gé wèn tí
谈判的重头在于价格问题。

The main part of the negotiation lies in the price issue.

Trace each character, then write the word on your own.

重 重 重 重 重 重 重 重 重 重 重

重

头 头 头 头 头 头 头 头